SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TỈNH ĐẮK NÔNG
CHI CỤC KIỂM LÂM
Số: 63 /QĐ-CCKL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đăk Nông, ngày 05 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2017 của Văn phòng Chi cục Kiểm lâm.

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC KIỂM LÂM

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Biên bản thẩm tra quyết toán ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Sở Tài chính tỉnh Đăk Nông;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2017 của Văn phòng Chi cục Kiểm lâm *(theo các biểu đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính tổng hợp và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Cổng thông tin điện tử CCKL;
- Lưu: VT, HCTH(NL).

CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC KIỂM LÂM

Người ký: Chi cục Kiểm lâm
Email: cckl.snnptnt@daknong.gov.vn
Cơ quan: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tỉnh Đắk Nông
Thời gian ký: 05.06.2018 09:14:54 +07:00

Lê Công Trường

Đơn vị: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đăk Nông
Chương: 412

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC năm 2017

(Kèm theo Quyết định số 63 /QĐ-CCKL ngày 05/6/2018 của Chi cục Kiểm lâm)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	**Quyết toán thu**					
A	**Tổng số thu**	**187,673**	**187,673**			
1	***Số thu phí, lệ phí***	***187,673***	***187,673***			
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí	187,673	187,673			
	Phí khác (báo cáo xác minh kết quả phúc tra)	2,551	2,551			
	Phí thẩm định dự án sản xuất nông lâm nghiệp	36,34	36,34			
	Phí thẩm định dự án trồng rừng	148,782	148,782			
2	***Thu sự nghiệp khác***					
B	**Chi từ nguồn thu được để lại**	**6,632**	**6,632**			
1	***Chi từ nguồn thu phí được để lại***	***6,632***	***6,632***			
1.1	Chi quản lý hành chính	6,632	6,632			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6,632	6,632			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	***Hoạt động sự nghiệp khác***					
C	**Số thu nộp NSNN**	**187,673**	**187,673**			
1	***Số phí, lệ phí nộp NSNN***	***187,673***	***187,673***			
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí	187,673	187,673			
	Phí khác (báo cáo xác minh kết quả phúc tra)	2,551	2,551			
	Phí thẩm định dự án sản xuất nông lâm nghiệp	36,34	36,34			
	Phí thẩm định dự án trồng rừng	148,782	148,782			
II	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**	**8.744,203**	**8.744,203**	**4.710,278**	**543,032**	**60**
1	***Chi quản lý hành chính***	***8.487,363***	***8.487,363***	***4.710,278***	***543,032***	***60***
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.377,871	6.377,871	4.710,278	67,522	60
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.109,492	2.109,492		475,51	
2	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo***	***256,84***	***256,84***			
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	256,84	256,84			

Đơn vị: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đăk Nông
Chương: 412

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC năm 2017

(Kèm theo Quyết định số 63 /QĐ-CCKL ngày 05/6/2018 của Chi cục Kiểm lâm)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Văn phòng Chi cục Kiểm lâm	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
I	**Quyết toán thu**		
A	**Tổng số thu**	**187,673**	**187,673**
1	***Số thu phí, lệ phí***	***187,673***	***187,673***
1.1	Lệ phí		
1.2	Phí	187,673	187,673
	Phí khác (báo cáo xác minh kết quả phúc tra)	2,551	2,551
	Phí thẩm định dự án sản xuất nông lâm nghiệp	36,34	36,34
	Phí thẩm định dự án trồng rừng	148,782	148,782
2	***Thu sự nghiệp khác***		
B	**Chi từ nguồn thu được để lại**	**6,632**	**6,632**
1	***Chi từ nguồn thu phí được để lại***	***6,632***	***6,632***
1.1	Chi quản lý hành chính	6,632	6,632
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6,632	6,632
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
2	***Hoạt động sự nghiệp khác***		
C	**Số thu nộp NSNN**	**187,673**	**187,673**
1	***Số phí, lệ phí nộp NSNN***	***187,673***	***187,673***
1.1	Lệ phí		
1.2	Phí	187,673	187,673
	Phí khác (báo cáo xác minh kết quả phúc tra)	2,551	2,551
	Phí thẩm định dự án sản xuất nông lâm nghiệp	36,34	36,34
	Phí thẩm định dự án trồng rừng	148,782	148,782
II	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**	**8.744,203**	**8.744,203**
1	***Chi quản lý hành chính***	***8.487,363***	***8.487,363***
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.377,871	6.377,871
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.109,492	2.109,492
2	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo***	***256,84***	***256,84***
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	256,84	256,84